TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Giang Thị Cẩm Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Nhạn
2. Ông Trương Thành

Thư ký phiên tòa: **Bà Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai: **Bà Phan Ngọc Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Phạm Văn V**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khóm H, phường H, thị xã G, tỉnh B

- Bị đơn: **Bà Lê Thị T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khóm H, phường H, thị xã G, tỉnh B.

(Ông V có mặt, bà T vắng mặt có đơn yêu cầu)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ông Phạm Văn V trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa: Ông và bà Lê Thị T chung sống từ năm 2010 không đăng ký kết hôn. Do giữa hai bên có mâu thuẫn, chung sống không hòa hợp nên ông yêu cầu ly hôn bà Lê Thị T. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Phạm Lê Hoàng N, sinh ngày 15/5/2011 hiện nay con chung đang sống với bà T, ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai: Bà và ông Phạm Văn V chung sống từ năm 2010, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống ông bà có 01 con chung như ông V trình bày. Về hôn nhân, bà đồng ý ly hôn ông V. Về con chung bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông V cấp dưỡng mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T có đơn đề ngày 28/12/2017 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo ý kiến bà đã trình bày.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thì có sự thống nhất cụ thể như sau:

Về thời gian chung sống: Ông V và bà T thống nhất chung sống từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và chung sống, không đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai bên xác định thời gian chung sống có 01 con chung tên Phạm Lê Hoàng N ngày 15/5/2011, con chung đang sống với bà T. Ông V, bà T thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Ông V tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81, 82, 83, luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận ông Phạm Văn V và bà Lê Thị T là vợ chồng, về con chung là giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Lê Hoàng N sinh ngày 15/5/2011, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Lê Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2017 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Về thời gian chung sống: Ông V, bà T xác định chung sống từ năm 2010, không đăng ký kết hôn. Hai bên thống nhất ly hôn do khi sống chung không có sự hòa hợp và có nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử nhận thấy ông V bà T đã thống nhất việc ly hôn nhưng không thể ghi nhận sự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự do cả hai đều xác định chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó việc chung sống như vợ chồng của ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không xử cho ly hôn hay bác yêu cầu hoặc công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên mà tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng theo quy định tại điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] Về con chung: Ông V và bà T xác định thời gian chung sống có 01 con chung tên Phạm Lê Hoàng N sinh ngày 15/5/2011 đang sống với bà T. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Ông V tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại điều 81 và 82 luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Do đó ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 650.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử (ngày 16/01/2018) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà T trực tiếp nuôi con có quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, ông đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0010750 ngày 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí 300.000đ và ông V còn phải nộp thêm 300.000đ. Bà T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Phạm Văn V và bà Lê Thị T là vợ chồng.

2/- Về nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông V và bà T, cụ thể như sau: Giao con chung tên Phạm Lê Hoàng N sinh ngày 15/5/2011 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày xét xử (ngày 16/01/2018) mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà T trực tiếp nuôi con có quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, ông đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0010750 ngày 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí 300.000đ và ông V còn phải nộp thêm 300.000đ. Bà T không phải nộp án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- UBND phường H;
- Lưu.